

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THÉP NAM KIM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *126* /2015/CV-NK

Bình Dương, ngày 02 tháng 6 năm 2015

**Kính gửi:** Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty CP Thép Nam Kim xin gửi lời chào trân trọng đến Quý cơ quan. Kính chúc Quý cơ quan sức khỏe, phú quý, an khang thịnh vượng.

Ngày 18 tháng 5 năm 2015, chúng tôi đã nhận được công văn số 674/SGDHCM-NY của Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh lưu ý về việc lập Báo cáo tài chính dựa theo quy định của Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Bằng văn bản này, chúng tôi xin lập bổ sung và gửi lại “Báo cáo tài chính quý 1 năm 2015” theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT/BTC cho Quý Sở.

Rất mong sự đồng ý và kịp thời hỗ trợ từ Quý cơ quan.

Xin chân thành cảm ơn.

Trân trọng./.

**Đính kèm:**

- Báo cáo tài chính quý 1/2015

**CTY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**PHẠM MẠNH HÙNG**



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP  
NAM KIM**

**BÁO CÁO  
TÀI CHÍNH  
QUÝ I  
NĂM 2015**

*Bình Dương, ngày 20 tháng 04 năm 2015*

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM**

Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, Phường An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/03/2015)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2015)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1,657,797,294,364</b>	<b>1,798,896,138,536</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>42,651,069,771</b>	<b>32,272,045,880</b>
1. Tiền	111		42,651,069,771	22,133,018,102
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10,139,027,778
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>132,715,000</b>	<b>132,715,000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		180,014,000	180,014,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(47,299,000)	(47,299,000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>492,073,401,363</b>	<b>604,105,351,923</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.3</b>	473,692,144,066	502,078,786,967
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>V.4</b>	76,925,445,369	160,572,623,138
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.5</b>	2,279,465,474	2,277,595,364
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	<b>V.6</b>	(60,823,653,546)	(60,823,653,546)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>984,579,762,513</b>	<b>972,297,187,878</b>
1. Hàng tồn kho	141		984,579,762,513	972,297,187,878
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>138,360,345,717</b>	<b>190,088,837,855</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.8</b>	7,840,394,958	12,172,906,142
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	<b>V.17</b>	116,265,084,687	136,077,314,900
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	<b>V.17</b>	1,809,858,984	26,152,851,033
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	<b>V.9</b>	12,445,007,088	15,685,765,780
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1,378,647,571,269</b>	<b>1,137,924,873,827</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM**

Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, Phường An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/03/2015)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2015)
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		982,209,882,026	956,720,469,421
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	920,990,451,611	895,119,550,150
- Nguyên giá	222		1,247,744,400,795	1,197,613,821,103
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(326,753,949,184)	(302,494,270,953)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	61,219,430,415	61,600,919,271
- Nguyên giá	228		67,044,625,508	67,044,625,508
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5,825,195,093)	(5,443,706,237)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	240		385,665,629,653	170,612,318,294
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.12		
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		385,665,629,653	170,612,318,294
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	260		10,772,059,590	10,592,086,112
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	10,772,059,590	10,592,086,112
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	265		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	270		3,036,444,865,633	2,936,821,012,363

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM**

Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, Phường An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/03/2015)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2015)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2,509,527,473,897</b>	<b>2,430,354,774,347</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2,005,837,243,876</b>	<b>1,824,898,298,595</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	1,118,623,616,623	1,337,398,361,298
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		36,578,189,911	21,721,965,656
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	9,432,896,534	18,860,716,509
4. Phải trả người lao động	314		6,079,757,008	9,602,176,002
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		115,227,524	45,382,857
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	1,248,261,363	1,085,777,495
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	833,531,767,470	435,598,496,335
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	227,527,443	585,422,443
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>503,690,230,021</b>	<b>605,456,475,752</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	399,090,000	399,090,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	503,291,140,021	605,057,385,752
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	V.21	<b>526,917,391,736</b>	<b>506,466,238,016</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>526,917,391,736</b>	<b>506,466,238,016</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		399,000,000,000	399,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		399,000,000,000	399,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		62,100,000,000	62,100,000,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM**

Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, Phường An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/03/2015)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2015)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7,947,406,623	7,947,406,623
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		57,869,985,113	37,418,831,393
-LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		37,418,831,393	(39,230,456,254)
-LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20,451,153,720	76,649,287,647
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3,036,444,865,633</b>	<b>2,936,821,012,363</b>

Người lập biểu



VŨ THỊ HUYỀN

Kế toán trưởng



TRẦN NGỌC DIỆU

Bình Dương, ngày 20 tháng 04 năm 2015

Người đại diện theo pháp luật



HỒ MINH QUANG

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẬP NAM KIM**Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, Phường An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý I Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	QUY I		Lũy kế từ đầu năm đến 31/03/2015	
			Năm Nay	Năm Trước	Năm Nay	Năm Trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,177,638,603,993	1,469,296,710,592	1,177,638,603,993	1,469,296,710,592
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1,101,361,643	3,162,896,610	1,101,361,643	3,162,896,610
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1,176,537,242,350	1,466,133,813,982	1,176,537,242,350	1,466,133,813,982
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1,107,000,058,482	1,393,744,055,981	1,107,000,058,482	1,393,744,055,981
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		69,537,183,868	72,389,758,001	69,537,183,868	72,389,758,001
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	2,810,715,003	1,244,148,886	2,810,715,003	1,244,148,886
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	22,056,228,187	37,998,797,974	22,056,228,187	37,998,797,974
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13,183,158,382	33,708,626,780	13,183,158,382	33,708,626,780
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	19,867,495,335	17,612,777,278	19,867,495,335	17,612,777,278
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	9,132,284,208	10,277,227,032	9,132,284,208	10,277,227,032
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21,291,891,141	7,745,104,603	21,291,891,141	7,745,104,603
11. Thu nhập khác	31	VI.9	5,330,249,149	2,589,607,181	5,330,249,149	2,589,607,181
12. Chi phí khác	32	VI.10	233,894,404	211,930,647	233,894,404	211,930,647
13. Lợi nhuận khác	40		5,096,354,745	2,377,676,534	5,096,354,745	2,377,676,534
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26,388,245,886	10,122,781,137	26,388,245,886	10,122,781,137
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11.1	5,937,092,166		5,937,092,166	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11.2				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20,451,153,720	10,122,781,137	20,451,153,720	10,122,781,137
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.12	513	339	513	339
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Người lập biểu

VŨ THỊ HUYỀN

Kế toán trưởng

TRẦN NGỌC ĐIỀU



Bình Dương, ngày 20 tháng 04 năm 2015

Giám đốc tài chính kiêm pháp luật

HỌ TÊN

HỒ MINH QUANG

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM**

Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, Phường An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>26,388,245,886</b>	<b>10,122,781,137</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		24,641,167,087	23,644,208,989
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(150,553,036)	(181,587,000)
- Chi phí lãi vay	06		13,183,158,382	33,708,626,780
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>64,062,018,319</b>	<b>67,294,029,906</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		154,858,247,128	(42,154,541,227)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12,282,574,635)	(135,999,925,355)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(216,636,430,854)	133,396,395,868
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4,152,537,706	(10,591,155,635)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13,183,158,382)	(33,708,626,780)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6,936,484,137)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		109,443,354,892	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(93,307,847,257)	(59,760,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(9,830,337,220)</b>	<b>(21,823,583,223)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(276,108,217,329)	(6,331,486,674)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		150,553,036	181,587,000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(275,957,664,293)</b>	<b>(6,149,899,674)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM**

Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, Phường An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		853,123,401,899	668,343,410,377
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(556,956,376,495)	(646,412,432,130)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>296,167,025,404</b>	<b>21,930,978,247</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>10,379,023,891</b>	<b>(6,042,504,650)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>32,272,045,880</b>	<b>19,317,314,004</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>42,651,069,771</b>	<b>13,274,809,354</b>

Bình Dương, ngày 20 tháng 04 năm 2015

Người đại diện theo pháp luật

Người lập biểu

Kế toán trưởng





VŨ THỊ HUYỀN

TRẦN NGỌC DIỆU

HỒ MINH QUANG

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, Phường An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I Năm 2015

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700477019 (số cũ là 4603000055) ngày 23 tháng 12 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp; Đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 06 tháng 08 năm 2014.

Mã chứng khoán : NKG . Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 14 tháng 01 năm 2011.

Văn phòng chính và nhà xưởng của Công ty tại Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, Phường An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

- **Chi nhánh** : Công ty Cổ phần Thép Nam Kim tại Bình Dương  
Địa chỉ : Lô B2.2, Lô 2.3, đường Đ3, Khu công nghiệp Đồng An 2, Phường Hoà Phú, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam  
Giấy CN ĐKDN số : 3700477019-002 cấp ngày : 02/03/2010  
Nơi cấp : Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương
- **Chi nhánh** : Công ty Cổ phần Thép Nam Kim tại Miền Bắc  
Địa chỉ : Quốc lộ 5A, Km19, Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm ,Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.  
Giấy CN ĐKDN số : 3700477019-003  
Nơi cấp : Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên.
- **Chi nhánh** : Công ty Cổ phần Thép Nam Kim tại Miền Tây  
Địa chỉ : Km2045, QL 1A, Ấp Phước Hòa, Xã Hòa Phú, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.  
Giấy CN ĐKDN số : 3700477019-004  
Nơi cấp : Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long.

#### Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn, tôn mạ kẽm phủ sơn.
- Sản xuất sắt, thép, gang. Chi tiết: sản xuất thép ống, thép hộp, thép hình và các sản phẩm từ thép cuộn, thép cán nguội, thép mạ kẽm, băng thép đen, băng thép mạ kẽm.
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: bán buôn sắt, thép các loại.

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG:

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Đường NI, Cụm sản xuất An Thạnh, Phường An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

---

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I Năm 2015

### 1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám Đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Phần mềm máy tính.

### 4. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### Các giao dịch bằng ngoại tệ

Theo thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng đôla Mỹ theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý I Năm 2015**

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

### **2. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, được lập dự phòng theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính, như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 1 năm;
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm;
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm;
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên;

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: phương pháp bình quân

Thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường

Chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ cho mỗi đơn vị sản phẩm theo sản lượng thành phẩm sản xuất trong kỳ (tháng).

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, Phường An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I Năm 2015

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hoá thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xoá sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 07 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 07 năm

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

##### + Quyền sử dụng đất :

Giá trị quyền sử dụng đất được ghi nhận trong khoản mục tài sản cố định vô hình bao gồm:

Các khoản chi phí mà Công ty đã chi trả để đền bù giải toả mặt bằng với diện tích 42.545 m<sup>2</sup> theo hợp đồng đền bù giải phóng mặt bằng và đầu tư cơ sở hạ tầng tại cụm sản xuất An Thạnh số 3/HĐĐB ngày 14 tháng 01 năm 2003; Và chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê đất là 49 năm.

Tiền thuê đất tại khu công nghiệp Đồng An 2, phường Hoà Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương được trả trước cho tổng diện tích thuê là 65.003,5 m<sup>2</sup>, và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê trả trước là 44 năm (đến ngày 14 tháng 05 năm 2056)

##### + Phần mềm kế toán, phần mềm quản lý, phần mềm khai tờ khai Hải quan:

Phần mềm kế toán được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ trong thời gian 05 năm

#### 6. Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

##### Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc

Các khoản đầu tư ngắn hạn là khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập khi giá của chứng khoán được đầu tư tại thời điểm lập báo cáo tài chính trên thị trường giảm so với giá gốc.

##### Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào Công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm quyền kiểm soát trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết đối với công ty này.

Trong báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được thể hiện theo giá gốc trừ đi khoản lỗ do tổn thất.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý I Năm 2015**

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### **8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm:

- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và chi phí bê kê m và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

- Chi phí chuẩn bị sản xuất của nhà máy tại Khu Công Nghiệp Đồng An 2 được ghi nhận trong chi phí trả trước dài hạn. Chi phí này bao gồm các khoản chi phí phát sinh từ khi xây dựng cho đến khi dự án hoàn tất việc xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và được phân bổ trong 3 năm kể từ khi nhà máy đi vào hoạt động sản xuất.

### **9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **11. Nguyên tắc trích lập quỹ bảo hiểm thất nghiệp**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Quý I Năm 2015**

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ.

Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn kinh doanh****- Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

**- Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần

**Nguyên tắc trích lập quỹ**

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

<b>Trích lập quỹ</b>	<b>Mục đích</b>	<b>Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế</b>
Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	5%
Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa	5%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý I Năm 2015**

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. .

#### **- Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 94/CN-UB do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 08 tháng 08 năm 2003, Công ty được miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi kinh doanh có lãi (năm 2007 và 2008) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 04 năm tiếp theo ( năm 2009 đến năm 2012).

#### **- Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý I Năm 2015**

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **16. Tài sản tài chính**

#### **Phân loại tài sản tài chính**

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### **Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo KQHDKD**

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

#### **Các khoản cho vay và phải thu**

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý I Năm 2015**

### **Tài sản tài chính sẵn sàng để bán**

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

### **Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính**

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

### **Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, Phường An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

---

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I Năm 2015

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

### Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM**

Đường NI, Cụm sản xuất An Thạnh, Phường An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I Năm 2015

Đơn vị tính: VND

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

		Số cuối kỳ (31/03/2015)	Số đầu kỳ (01/01/2015)
<b>Tiền mặt</b>		2,202,108,895	1,242,159,034
Tiền mặt VND		2,202,108,895	1,242,159,034
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	USD	40,448,960,876	20,890,859,068
Tiền gửi VND		18,562,673,626	4,161,084,192
Tiền gửi ngoại tệ USD		21,886,287,250	16,729,774,876
<b>Tiền đang chuyển</b>			10,139,027,778
<b>Các khoản tương đương tiền</b>			
<b>BIDV</b>			
<b>Cộng</b>		<b>42,651,069,771</b>	<b>32,272,045,880</b>

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

		Số cuối kỳ (31/03/2015)	Số đầu kỳ (01/01/2015)
Đầu tư tài chính ngắn hạn		180,014,000	180,014,000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(47,299,000)	(47,299,000)
<b>Cộng</b>		<b>132,715,000</b>	<b>132,715,000</b>

**3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

		Số cuối kỳ (31/03/2015)	Số đầu kỳ (01/01/2015)
Phải thu khách hàng		473,692,144,066	502,078,786,967
<b>Cộng</b>		<b>473,692,144,066</b>	<b>502,078,786,967</b>

**4. TRẢ TRƯỚC CHO NHÀ CUNG CẤP**

		Số cuối kỳ (31/03/2015)	Số đầu kỳ (01/01/2015)
Trả trước cho nhà cung cấp		76,925,445,369	160,572,623,138
<b>Cộng</b>		<b>76,925,445,369</b>	<b>160,572,623,138</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM**

Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, Phường An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I Năm 2015

Đơn vị tính: VND

**5. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ (31/03/2015)	Số đầu kỳ (01/01/2015)
Phải thu chi phí đầu tư vào Công ty Liên doanh Thép Nam Kim	2,276,134,439	2,276,134,439
Thuế nhập khẩu được hoàn	-	-
Các khoản phải thu khác	3,331,035	1,460,925
<b>Cộng</b>	<b>2,279,465,474</b>	<b>2,277,595,364</b>

**6. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	Số cuối kỳ (31/03/2015)	Số đầu kỳ (01/01/2015)
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	60,823,653,546	60,823,653,546
<b>Cộng</b>	<b>60,823,653,546</b>	<b>60,823,653,546</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ (31/03/2015)	Số đầu kỳ (01/01/2015)
Nguyên vật liệu	468,073,787,581	395,109,318,732
Công cụ, dụng cụ	33,409,337,430	32,400,731,475
Thành phẩm	465,865,077,933	498,486,675,092
Hàng hóa	4,457,391,967	4,469,615,763
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12,774,167,602	41,830,846,816
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>984,579,762,513</b>	<b>972,297,187,878</b>
<b>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>		
<b>Giá trị thuần</b>	<b>984,579,762,513</b>	<b>972,297,187,878</b>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ (31/03/2015)	Số đầu kỳ (01/01/2015)
Chi phí trả trước ngắn hạn	7,840,394,958	12,172,906,142
<b>Cộng</b>	<b>7,840,394,958</b>	<b>12,172,906,142</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM**

Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, Phường An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I Năm 2015

Đơn vị tính: VND

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

		<u>Số cuối kỳ</u> <u>(31/03/2015)</u>	<u>Số đầu kỳ</u> <u>(01/01/2015)</u>
Tạm ứng	(a)	1,328,925,694	972,071,949
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	(b)	11,116,081,394	14,713,693,831
	<b>Cộng</b>	<b><u>12,445,007,088</u></b>	<b><u>15,685,765,780</u></b>

(a) Số dư tạm ứng cho nhân viên vào ngày 31 tháng 03 năm 2015 chủ yếu tạm ứng công tác và mua vật tư cho Công ty.

(b) Chi tiết các khoản ký quỹ ký cược ngắn hạn tại các ngân hàng vào ngày 31 tháng 03 năm 2015 như sau:

<b>Ký quỹ ngắn hạn bao gồm</b>	<b>Gốc USD</b>	<u>Số cuối kỳ</u> <u>(31/03/2015)</u>	<u>Số đầu kỳ</u> <u>(01/01/2015)</u>
<b>Ký quỹ USD</b>	<b>518,401.00</b>	<b>11,113,081,394</b>	<b>14,707,175,056</b>
Ký quỹ Ngân hàng TMCP Đông Á	280,401.00	6,010,003,687	12,105,602,707
Ký quỹ Ngân hàng Nam Á	238,000.00	5,103,077,707	2,601,572,349
<b>Ký quỹ VND</b>		<b>3,000,000</b>	<b>6,518,775</b>
Ký quỹ Ngân hàng Sea Bank		-	3,000,000
Ký quỹ Ngân hàng Đông Á			
Ký quỹ điện thoại		3,000,000	3,518,775
	<b>Cộng</b>	<b><u>11,116,081,394</u></b>	<b><u>14,713,693,831</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM**

Đường N1, Cụm sản xuất An Thành, Phường An Thành, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

0

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I Năm 2015

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị sản xuất	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
Đơn vị tính: VND						
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm	348,551,421,255	656,832,537,381	12,940,547,054	5,253,534,761	174,035,780,652	1,197,613,821,103
2. Số tăng trong năm	63,165,400	31,658,126,981	1,965,457,636	-	16,443,829,675	50,130,579,692
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	63,165,400	29,642,662,602	737,724,000	-	15,937,829,675	46,381,381,677
- Tăng do mua sắm	-	2,015,464,379	1,227,733,636	-	506,000,000	3,749,198,015
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	348,614,586,655	688,490,664,362	14,906,004,690	5,253,534,761	190,479,610,327	1,247,744,400,795
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	42,707,066,787	237,657,208,938	3,336,930,051	2,055,827,744	16,737,237,433	302,494,270,953
2. Số tăng trong năm	4,883,576,261	16,457,104,740	286,182,123	145,035,441	2,487,779,666	24,259,678,231
- Khấu hao trong năm	4,883,576,261	16,457,104,740	286,182,123	145,035,441	2,487,779,666	24,259,678,231
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác do thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	47,590,643,048	254,114,313,678	3,623,112,174	2,200,863,185	19,225,017,099	326,753,949,184
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	305,844,354,468	419,175,328,443	9,603,617,003	3,197,707,017	157,298,543,219	895,119,550,150
Tại ngày cuối năm	301,023,943,607	434,376,350,684	11,282,892,516	3,052,671,576	171,254,593,228	920,990,451,611

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT NAM KIM**

Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, Phường An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

0

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I Năm 2015

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất An Thạnh	Quyền sử dụng đất Đồng An	Phần mềm kế toán	Phần mềm quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<b>1. Số dư đầu năm</b>	9,410,617,869	57,498,407,639	135,600,000	-	67,044,625,508
<b>2. Số tăng trong năm</b>	-	-	-	-	-
- Mua sắm mới					
- Đầu tư XDCB hoàn thành					
- Tăng khác do phân loại lại					
<b>3. Số giảm trong năm</b>	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác do phân loại lại					
- Giảm khác theo TT 45					
<b>4. Số dư cuối năm</b>	9,410,617,869	57,498,407,639	135,600,000	-	67,044,625,508
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>1. Số dư đầu năm</b>	1,920,534,240	3,484,751,997	38,420,000	-	5,443,706,237
<b>2. Số tăng trong năm</b>	48,013,356	326,695,500	6,780,000	-	381,488,856
- Khấu hao trong năm	48,013,356	326,695,500	6,780,000	-	381,488,856
- Tăng khác					
<b>3. Số giảm trong năm</b>	-	-	-	-	-
- Giảm khác					
<b>4. Số dư cuối năm</b>	1,968,547,596	3,811,447,497	45,200,000	-	5,825,195,093
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	7,490,083,629	54,013,655,642	97,180,000	-	61,600,919,271
Tại ngày cuối năm	7,442,070,273	53,686,960,142	90,400,000	-	61,219,430,415



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I Năm 2015

Đơn vị tính: VND

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối kỳ (31/03/2015)	Số đầu kỳ (01/01/2015)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	385,665,629,653	170,612,318,294
<b>Cộng</b>	<b>385,665,629,653</b>	<b>170,612,318,294</b>

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ (31/03/2015)	Số đầu kỳ (01/01/2015)
Chi phí trả trước dài hạn	10,772,059,590	10,592,086,112
<b>Cộng</b>	<b>10,772,059,590</b>	<b>10,592,086,112</b>

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

		Số cuối kỳ (31/03/2015)	Số đầu kỳ (01/01/2015)
- Vay ngắn hạn ngân hàng		690,717,501,663	435,598,496,335
VND	(a)	400,903,576,321	274,758,618,931
USD	(b)	289,813,925,342	160,839,877,404
-Nợ dài hạn đến hạn trả		142,814,265,807	-
VND	(a)	100,447,635,756	-
USD	(b)	42,366,630,051	-
- Vay ngắn hạn khác		-	-
<b>Cộng</b>		<b>833,531,767,470</b>	<b>435,598,496,335</b>

**a. Vay ngắn hạn bằng VND**

	Số đầu kỳ (01/01/2015)	Số cuối kỳ (31/03/2015)
Ngân hàng		
BIDV	262,103,773,995	313,443,260,010
EAB	7,400,000,000	49,100,000,000
VietinBank Chi Nhánh 5	5,254,844,936	8,828,356,047
VCB	-	29,531,960,264
<b>Cộng</b>	<b>274,758,618,931</b>	<b>400,903,576,321</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM**

Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, Phường An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

0

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Quý I Năm 2015**

Đơn vị tính: VND

<b>b. Vay ngắn hạn ngân hàng bằng USD</b>		<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Quy đổi VND cuối</b>
<b>Ngân hàng</b>		<b>gốc USD</b>	<b>kỳ</b>
BIDV		10,124,968.96	216,092,072,910
EAB		2,350,000.00	50,333,305,641
VietinBank Chi Nhánh 5		1,092,000.00	23,388,546,791
	<b>Cộng</b>	<b>13,566,968.96</b>	<b>289,813,925,342</b>
<b>15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN</b>			
		<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
		<b>(31/03/2015)</b>	<b>(01/01/2015)</b>
Phải trả nhà cung cấp		1,118,623,616,623	1,337,398,361,298
	<b>Cộng</b>	<b>1,118,623,616,623</b>	<b>1,337,398,361,298</b>
<b>16. THUẾ</b>			
		<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
		<b>(31/03/2015)</b>	<b>(01/01/2015)</b>
<b>16.1 Thuế phải thu Nhà nước</b>			
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ		116,265,084,687	136,077,314,900
Thuế TNDN		-	-
Thuế giá trị gia tăng - hàng nhập khẩu		1,809,858,984	26,152,851,033
	<b>Cộng</b>	<b>118,074,943,671</b>	<b>162,230,165,933</b>
<b>16.2 Thuế phải nộp Nhà Nước</b>			
		<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
		<b>(31/03/2015)</b>	<b>(01/01/2015)</b>
Thuế xuất, nhập khẩu		3,348,618,183	11,614,188,058
Thuế thu nhập cá nhân		147,186,185	310,044,314
Thuế TNDN		5,937,092,166	6,936,484,137
	<b>Cộng</b>	<b>9,432,896,534</b>	<b>18,860,716,509</b>
<b>17. PHẢI TRẢ KHÁC</b>			

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM**

Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, Phường An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

0

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I Năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ (31/03/2015)	Số đầu kỳ (01/01/2015)
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	112,428,804	89,079,316
Kinh phí công đoàn	139,134,380	
Global Insurance Company	11,180,760	11,180,760
Phải trả 3 cổ đông góp vốn Cty LD Thép NK	900,000,000	900,000,000
Phải trả POSCO	85,517,419	85,517,419
<b>Cộng</b>	<b>1,248,261,363</b>	<b>1,085,777,495</b>

**18. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI**

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu kỳ	585,422,443	1,146,713,193
Trích lập quỹ từ phân phối lợi nhuận	-	
Chi sử dụng quỹ	(357,895,000)	(561,290,750)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>227,527,443</b>	<b>585,422,443</b>

**19 VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN**

	Nguyên tệ USD	Số cuối kỳ (31/03/2015)	Số đầu kỳ (01/01/2015)
<b>19.1 Vay dài hạn ngân hàng</b>		503,291,140,021	605,057,385,752
<b>Vay dài hạn VND</b>		245,412,610,356	352,525,829,091
Ngân hàng TMCP Đông Á - EAB		224,229,100,000	335,657,000,000
Ngân hàng TMCP Nam Á - TT Kinh doanh		21,183,510,356	16,868,829,091
<b>Vay dài hạn USD</b>	<b>12,055,826.58</b>	<b>257,878,529,665</b>	<b>252,531,556,661</b>
Ngân hàng TMCP Nam Á	2,536,691.58	54,330,419,770	26,445,091,226
Ngân hàng Indovina Bank	2,715,510.00	58,049,457,270	74,946,693,150
Ngân hàng TMCP Đông Á - EAB	6,803,625.00	145,498,652,625	151,139,772,285
<b>19.2 Nợ dài hạn</b>		-	-
<b>Cộng</b>		<b>503,291,140,021</b>	<b>605,057,385,752</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM**

Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, Phường An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I Năm 2015

**20 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	299,000,000,000	62,100,000,000	-	3,451,965,584	4,495,441,039	(39,230,456,254)	329,816,950,369
Tặng vốn/ chia cổ tức bằng cổ phiếu	100,000,000,000						100,000,000,000
Lợi nhuận trong năm						76,649,287,647	76,649,287,647
Trích lập các quỹ							
Trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi							
Chia cổ tức bằng tiền							
Chi thù lao Hội đồng quản trị							
Hoàn nhập CLTG kỳ trước							
<b>Số dư cuối năm trước</b>	399,000,000,000	62,100,000,000		3,451,965,584	4,495,441,039	37,418,831,393	506,466,238,016
<b>Số dư đầu năm</b>	399,000,000,000	62,100,000,000		3,451,965,584	4,495,441,039	37,418,831,393	506,466,238,016
Tặng vốn/ chia cổ tức bằng cổ phiếu						20,451,153,720	20,451,153,720
Lợi nhuận trong năm							
Tạm chia cổ tức bằng tiền							
Chi thù lao Hội đồng quản trị							
<b>Số dư cuối năm</b>	399,000,000,000	62,100,000,000		3,451,965,584	4,495,441,039	57,869,985,113	526,917,391,736

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM**

Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, Phường An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I Năm 2015

**20 VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Năm nay	%	Năm trước
Vốn góp của Nhà nước			
Vốn góp của các đối tượng khác	399,000,000,000	100%	399,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>399,000,000,000</b>	<b>100%</b>	<b>399,000,000,000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
<b>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	399,000,000,000	399,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	399,000,000,000	399,000,000,000
<b>- Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>		
+ Chia cổ tức		

**d) Cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39,900,000	39,900,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39,900,000	39,900,000
- Cổ phiếu phổ thông	39,900,000	39,900,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39,900,000	39,900,000
- Cổ phiếu phổ thông	39,900,000	39,900,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu		

**đ) Các quỹ của doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
- Quỹ đầu tư phát triển	7,947,406,623	3,451,965,584
- Quỹ dự phòng tài chính		4,495,441,039
<b>Cộng</b>	<b>7,947,406,623</b>	<b>7,947,406,623</b>

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I Năm 2015

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH****1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng - Nội địa	528,296,769,012	924,302,925,628
Doanh thu bán hàng - Xuất khẩu	648,207,471,556	540,420,952,007
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,134,363,425	4,572,832,957
<b>Cộng</b>	<b><u>1,177,638,603,993</u></b>	<b><u>1,469,296,710,592</u></b>

**2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	86,797,773	-
Giảm giá hàng bán	414,873,945	684,087,425
Hàng bán bị trả lại	599,689,925	2,478,809,185
<b>Cộng</b>	<b><u>1,101,361,643</u></b>	<b><u>3,162,896,610</u></b>

**3. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng - Nội địa	527,307,132,740	921,601,031,777
Doanh thu bán hàng - Xuất khẩu	648,095,746,185	539,959,949,248
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,134,363,425	4,572,832,957
<b>Cộng</b>	<b><u>1,176,537,242,350</u></b>	<b><u>1,466,133,813,982</u></b>

**4. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hoá	1,107,000,058,482	1,393,744,055,981
<b>Cộng</b>	<b><u>1,107,000,058,482</u></b>	<b><u>1,393,744,055,981</u></b>

**5. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu tài chính	2,810,715,003	1,244,148,886
<b>Cộng</b>	<b><u>2,810,715,003</u></b>	<b><u>1,244,148,886</u></b>

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I Năm 2015

**6. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí hoạt động tài chính	22,056,228,187	37,998,797,974
<b>Cộng</b>	<b><u>22,056,228,187</u></b>	<b><u>37,998,797,974</u></b>

**7. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí bán hàng	19,867,495,335	17,612,777,278
<b>Cộng</b>	<b><u>19,867,495,335</u></b>	<b><u>17,612,777,278</u></b>

**8. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9,132,284,208	10,277,227,032
<b>Cộng</b>	<b><u>9,132,284,208</u></b>	<b><u>10,277,227,032</u></b>

**9. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập khác	5,330,249,149	2,589,607,181
<b>Cộng</b>	<b><u>5,330,249,149</u></b>	<b><u>2,589,607,181</u></b>

**10. CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khác	233,894,404	211,930,647
<b>Cộng</b>	<b><u>233,894,404</u></b>	<b><u>211,930,647</u></b>

**11. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM**

Đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, Phường An Thạnh, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

0

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I Năm 2015

**11.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 22% lợi nhuận thu nhập được hàng năm.

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>26,388,245,886</b>	<b>10,122,781,137</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Chi phí không hợp lệ không được khấu trừ	598,536,688	416,671,924
Chi phí phạt, vi phạm hợp đồng, truy thu thuế	-	-
Nhận cổ tức được chia	-	(181,587,000)
Chênh lệch tạm thời - chênh lệch tỷ giá		
<b>Thu nhập chịu thuế, trong đó</b>	<b>26,986,782,574</b>	<b>10,357,866,061</b>
Chuyển lỗ năm trước		10,357,866,061
<b>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>22%</b>	<b>25%</b>
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>5,937,092,166</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN bổ sung của năm trước	-	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>5,937,092,166</b>	<b>-</b>

**11.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời

Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả (\*)

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại

**12. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	20,451,153,720	10,122,781,137
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	39,900,000	29,900,000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	<b>513</b>	<b>339</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Người lập biểu

Kế toán trưởng



VŨ THỊ HUYỀN



TRẦN NGỌC DIỆU

Bình Dương, ngày 20 tháng 04 năm 2015

Người đại diện theo pháp luật



HỒ MINH QUANG